

BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

THÁNG 07 NĂM 2025



Thị trường Sơ cấp:

- ❖ Tính đến cuối tháng 07/2025, tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đang lưu hành khoảng 1,347,778 tỷ đồng, tăng nhẹ +0.29% so với tháng trước.
- ❖ Hoạt động phát hành mới trong tháng 07 có dấu hiệu chững lại sau khi tăng 5 kỳ liên tiếp khi đạt 45,513 tỷ đồng, giảm 63.7% so với tháng trước, nhưng tăng 19.0% so cùng kỳ. Nhóm Ngân hàng chiếm phần lớn giá trị phát hành với 39,149 tỷ đồng (chiếm 86% tỷ trọng, giảm -60.3% so tháng trước). Nhóm Phi tài duy trì ở mức thấp khi chỉ đạt 5,249 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là 2 nhóm Bất động sản (1,985 tỷ đồng) và Du lịch & Giải trí (1,884 tỷ đồng).
- ❖ Tổ chức phát hành tiêu biểu trong tháng: hầu hết là Ngân hàng gồm có Agribank (17,520 tỷ đồng), OCB (5,300 tỷ đồng), SHB (4,149 tỷ đồng), VPBank (3,600 tỷ đồng), MBBank (2,650 tỷ đồng).
- ❖ Hoạt động mua lại trái phiếu giảm mạnh -60.5% so với kỳ trước đạt 24,872 tỷ đồng. Với chủ yếu là nhóm Ngân hàng khi mua lại 21,079 tỷ đồng (chiếm 85%) và Bất động sản mua lại 2,497 tỷ đồng (chiếm 10%).
- ❖ Trái phiếu trả chậm trong tháng 7/2025 giảm khi đạt 3,116 tỷ đồng, giảm -26.2% so với tháng trước. Trái phiếu trả chậm chủ yếu từ ngành Du lịch & Giải trí (2,230 tỷ đồng) và Bất động sản (886 tỷ đồng).

Thị trường Thứ cấp:

- ❖ Giá trị giao dịch bình quân phiên trên thị trường thứ cấp tháng 07 đạt 6,194 tỷ đồng, giảm nhẹ -5.1% so với tháng trước, nhưng vẫn cao hơn trung bình 3 tháng trước. Tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt 142,463 tỷ đồng (+3.9% MoM). Trong đó, nhóm phát hành riêng lẻ đạt 128,808 tỷ đồng (-1.4% MoM) và nhóm phát hành công chúng (13,655 tỷ đồng (+109.3% MoM).
- ❖ Nhóm Ngân hàng và Bất động sản vẫn chiếm phần lớn khối lượng giao dịch, tỷ trọng lần lượt ở mức 40.8% và 34.6%.
- ❖ Top 5 trái phiếu có thanh khoản cao nhất chủ yếu thuộc nhóm Ngân hàng: HDBank (10,446 tỷ đồng), ACB (8,027 tỷ đồng), BIDV (5,864 tỷ đồng), VPBank (5,042 tỷ đồng) và Bất động sản có Capitaland Tower (7,061 tỷ đồng) và VinGroup (6,782 tỷ đồng).

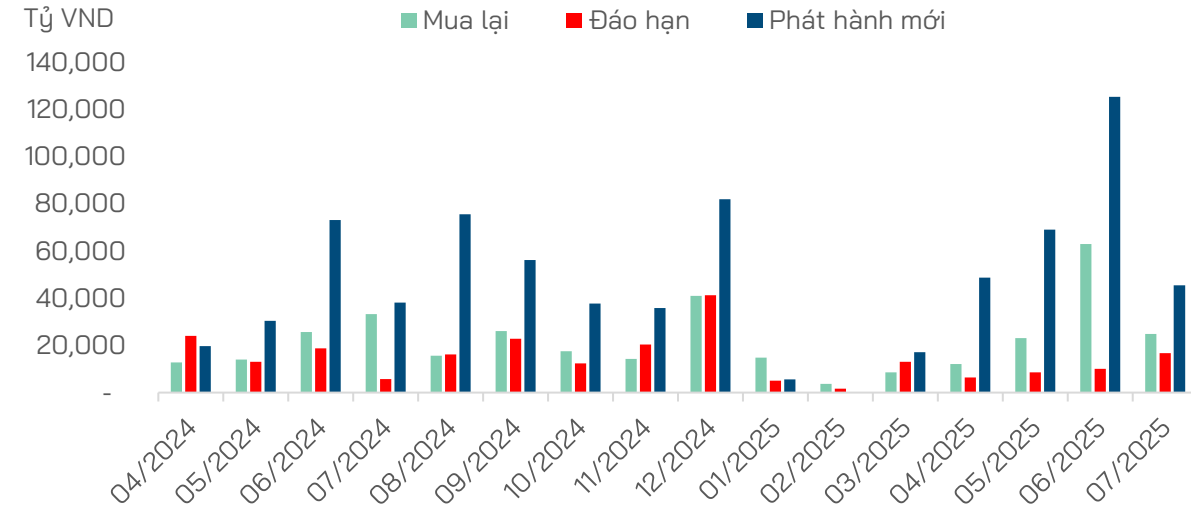
Tư vấn phát hành:

- ❖ Tính từ đầu năm đến ngày 31/07/2025, TCBS dẫn đầu thị phần tư vấn phát hành TPDN (không tính trái phiếu do nhóm ngân hàng phát hành) với 27,884 tỷ đồng (42.8% quy mô phát hành), đứng thứ hai là HDS với 11,581 tỷ đồng (17.8% quy mô phát hành).

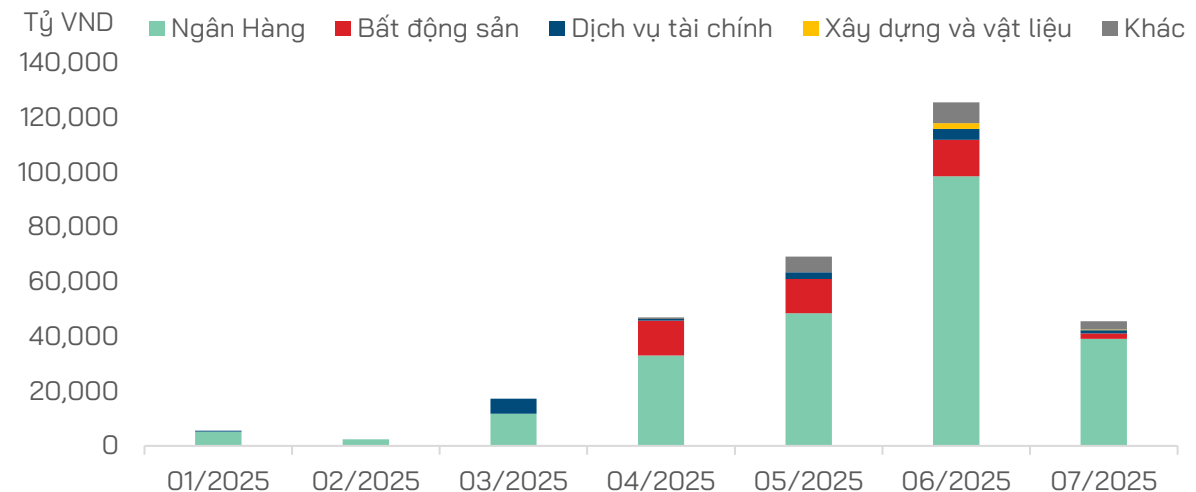
Thị trường Sơ cấp: Hoạt động mua lại trái phiếu giảm mạnh so với tháng trước

- Tính đến cuối tháng 07/2025, tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp đang lưu hành khoảng 1,347,778 tỷ đồng, tăng nhẹ +0.29% so với tháng trước.
- Hoạt động phát hành mới trong tháng 07/2025 có dấu hiệu chững lại sau khi tăng 5 kỳ liên tiếp khi đạt 45,513 tỷ đồng, giảm 63.7% so với tháng trước, nhưng tăng 19.0% so cùng kỳ. Trong đó, phát hành Riêng lẻ đạt 31,964 tỷ đồng, giảm -74.5%, chiếm 70% tổng giá trị phát hành; và phát hành Công chúng đạt 13,549 tỷ đồng chiếm 30% tổng giá trị phát hành, phát hành trở lại sau 2 kỳ vắng bóng và chủ yếu là nhóm TCTD.
- Nhóm Ngân hàng chiếm phần lớn giá trị phát hành với 39,149 tỷ đồng (chiếm 86% tỷ trọng, giảm -60.3% so tháng trước). Nhóm Phi tài duy trì ở mức thấp khi chỉ đạt 5,249 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là 2 nhóm Bất động sản (1,985 tỷ đồng) và Du lịch & Giải trí (1,884 tỷ đồng).
- Tổ chức phát hành tiêu biểu trong tháng: hầu hết là Ngân hàng gồm có Agribank (17,520 tỷ đồng), OCB (5,300 tỷ đồng), SHB (4,149 tỷ đồng), VPBank (3,600 tỷ đồng), MBBank (2,650 tỷ đồng).
- Mặc dù lượng phát hành trong tháng 7 suy giảm, nhưng xu hướng thị trường TPDN vẫn tích cực trong cuối năm. Chất lượng phát hành ngày càng được cải thiện, góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Ngân hàng sẽ đóng vai trò đầu tàu khi mục tiêu tăng trưởng tín dụng 2025 được nâng lên 16%. Ngoài ra, kỳ vọng phục hồi của thị trường bất động sản cùng sự sôi động trở lại của sản xuất, xuất khẩu dịch vụ và giải ngân đầu tư công sẽ tiếp tục tạo động lực hỗ trợ cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp.
- Hoạt động mua lại trái phiếu giảm mạnh -60.5% so với kỳ trước đạt 24,872 tỷ đồng. Với chủ yếu là nhóm Ngân hàng khi mua lại 21,079 tỷ đồng (chiếm 85%) và Bất động sản mua lại 2,497 tỷ đồng (chiếm 10%).
- Đáo hạn trái phiếu tiếp tục tăng mạnh khi đạt 16,768 tỷ đồng, tăng +67.1% so với tháng trước.

Hoạt động trong tháng 07/2025

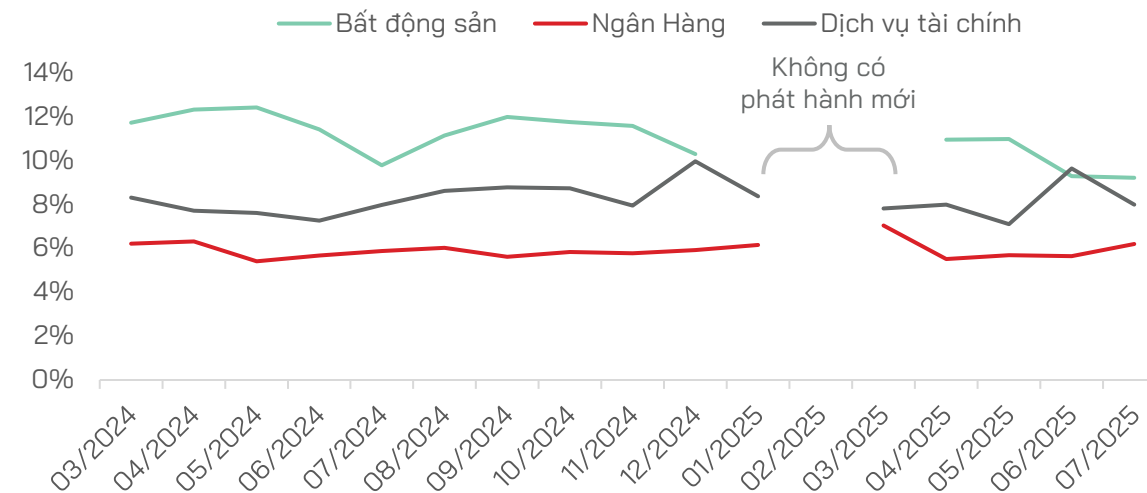


Phát hành mới theo ngành

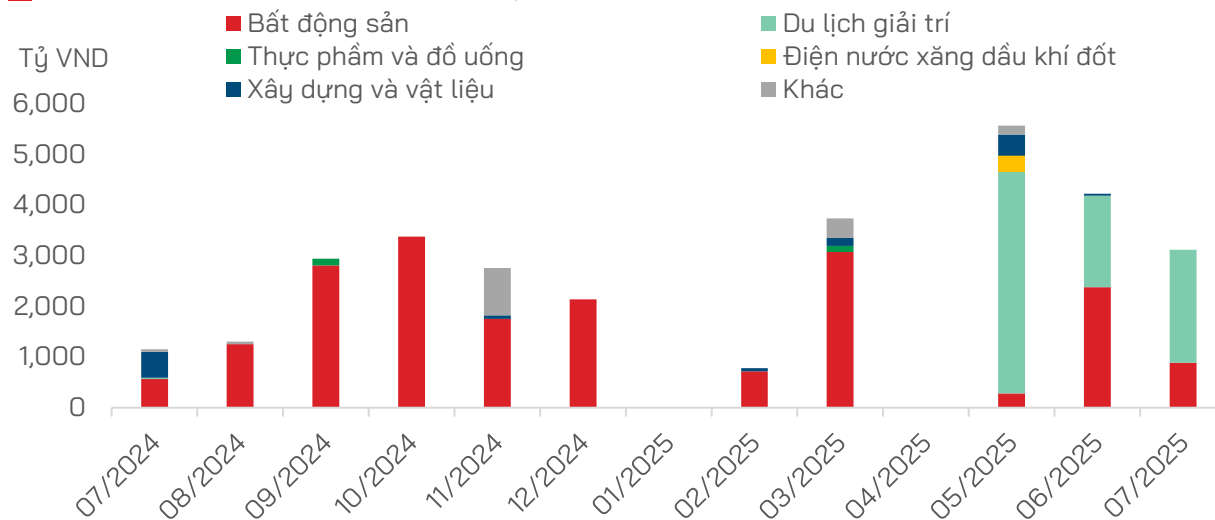


- **Lãi suất phát hành của nhóm Ngân hàng tăng lên mức 6.19% so với mức 5.64% của tháng 6/2025.** Nhóm Bất động sản giảm nhẹ xuống mức 9.2% từ 9.27% của tháng 6/2025. Do đó, chênh lệch lãi suất của nhóm Bất động sản so với nhóm Ngân hàng tiếp tục trong xu hướng giảm trong tháng 7 ghi nhận mức 3.0% giảm so với mức 3.6% của tháng 6/2025.
- **Trái phiếu trả chậm trong tháng 7/2025 giảm khi đạt 3,116 tỷ đồng, giảm -26.2% so với tháng trước.** Trái phiếu trả chậm chủ yếu từ ngành Du lịch & Giải trí (2,230 tỷ đồng) và Bất động sản (886 tỷ đồng).

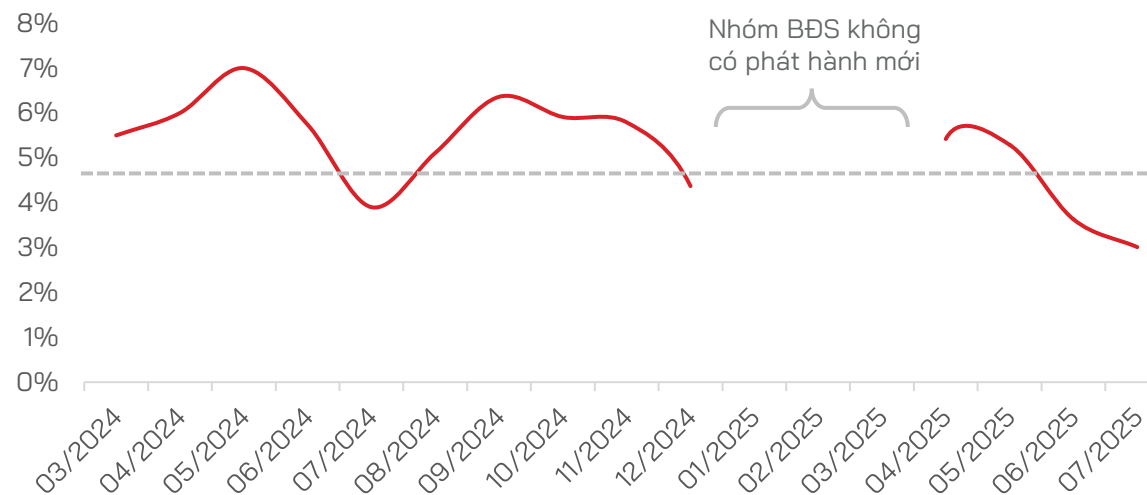
Diễn biến lãi suất các nhóm chính



Tình hình các trái phiếu trả chậm

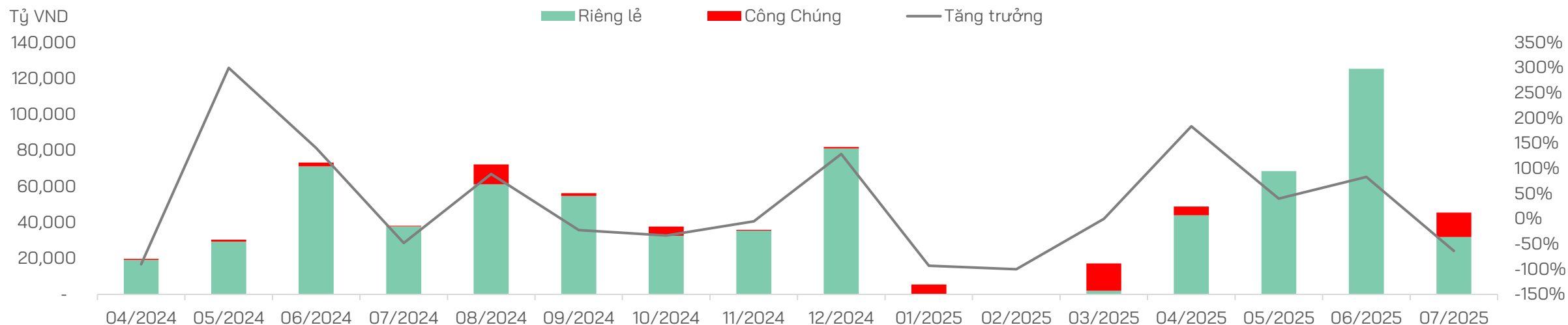


Chênh lệch lãi suất phát hành giữa nhóm BĐS và Ngân hàng

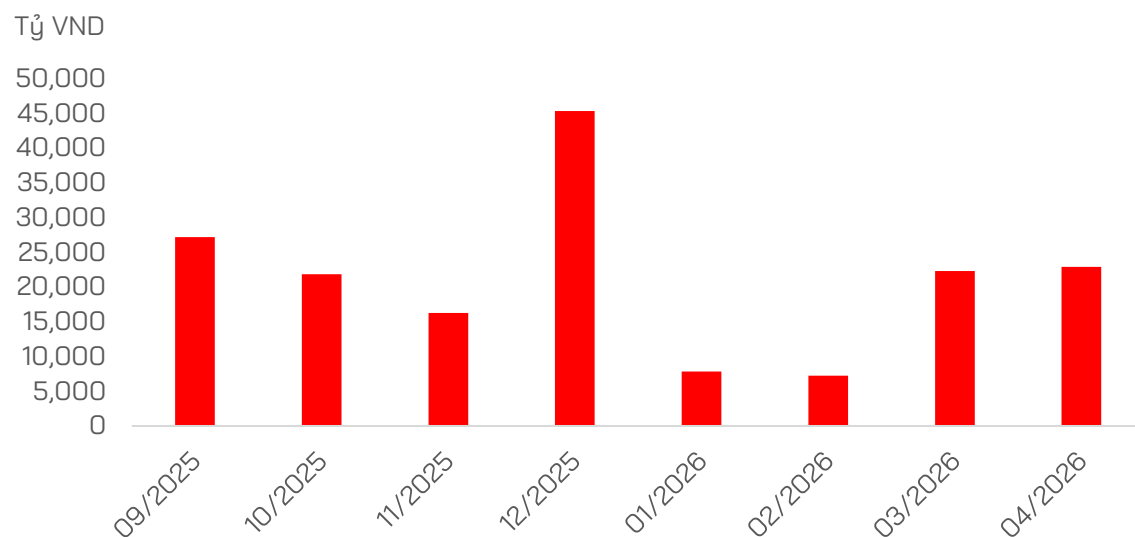


Thị trường Sơ cấp: Phát hành công chứng trở lại sau trầm lắng, riêng lẻ sụt giảm

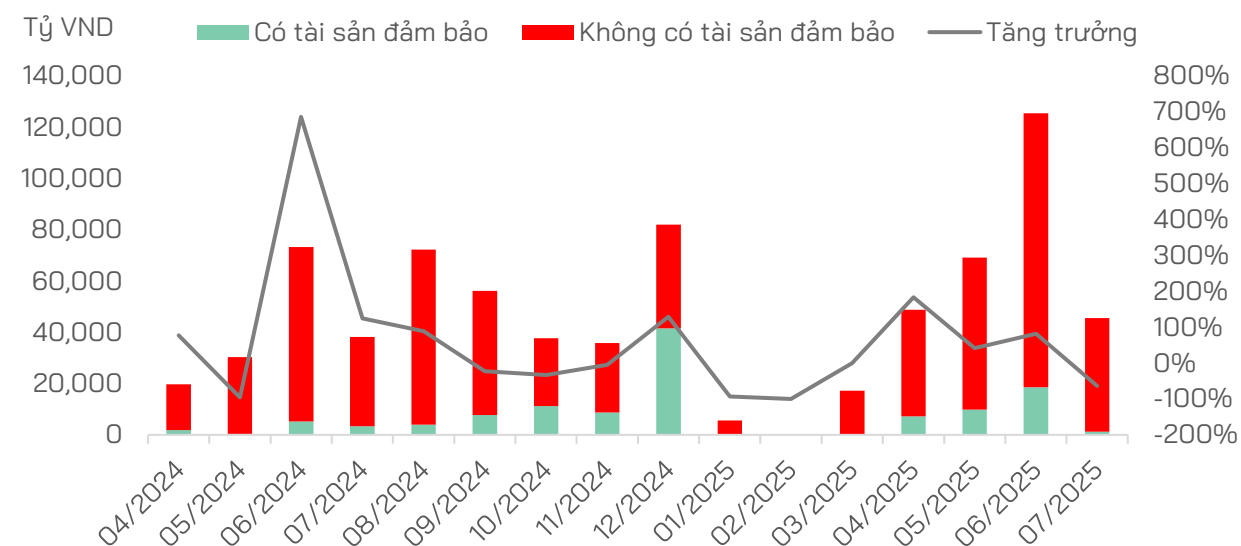
Giá trị phát hành trái phiếu



Dòng tiền phải trả trái phiếu dự kiến



Trái phiếu có tài sản bảo đảm



Thị trường Sơ cấp: Thống kê giá trị phát hành mới trong tháng 7 theo nhóm ngành

	Tổng			Cố định			Thả nổi và Kết hợp			
Ngành	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn BQ	Coupon BQ	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn BQ	Coupon BQ	Giá trị (tỷ VND)	Kỳ hạn BQ	Coupon BQ	Giá trị
Xây dựng và Vật liệu	300	5.0					300	5.0		
Kỳ hạn 5-7 năm	300	5.0					300	5.0		
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	500	5.0		500	5.0					
Kỳ hạn 5-7 năm	500	5.0		500	5.0					
Thực phẩm và đồ uống	520	1.0	9.00%	520	1.0	9.00%				
Kỳ hạn 1-3 năm	520	1.0	9.00%	520	1.0	9.00%				
Du lịch và Giải trí	1,884	4.2	9.89%				1,884	4.2	9.89%	
Kỳ hạn 1-3 năm	200	2.0	9.70%				200	2.0	9.70%	
Kỳ hạn 3-5 năm	684	3.6	9.95%				684	3.6	9.95%	
Kỳ hạn 5-7 năm	1,000	5.0					1,000	5.0		
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60	10.0	9.22%				60	10.0	9.22%	
Kỳ hạn hơn 7 năm	60	10.0	9.22%				60	10.0	9.22%	
Ngân hàng	39,149	5.9	6.18%	19,550	2.9	5.37%	19,599	8.8	7.05%	
Kỳ hạn 1-3 năm	7,520	2.0	5.20%	7,520	2.0	5.20%				
Kỳ hạn 3-5 năm	10,400	3.0	5.34%	10,400	3.0	5.34%				
Kỳ hạn 5-7 năm	1,180	5.0	6.07%	1,180	5.0	6.07%				
Kỳ hạn hơn 7 năm	20,049	8.9	7.05%	450	10.3	6.98%	19,599	8.8	7.05%	
Bất động sản	1,985	5.2	9.20%	1,100	7.0	9.20%	885	3.0		
Kỳ hạn 3-5 năm	885	3.0					885	3.0		
Kỳ hạn hơn 7 năm	1,100	7.0	9.20%	1,100	7.0	9.20%				
Dịch vụ tài chính	1,115	1.4	7.98%	900	1.0	8.22%	215	3.0	6.98%	
Kỳ hạn 1-3 năm	900	1.0	8.22%	900	1.0	8.22%				
Kỳ hạn 3-5 năm	215	3.0	6.98%				215	3.0	6.98%	

Thị trường Sơ cấp: Thông tin Trái phiếu đã phát hành trong tháng 7/2025

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Kỳ hạn trái phiếu	Lãi suất Coupon	Có TSĐB	Kiểu lãi suất coupon
1	KLB7Y202403	KienlongBank	Ngân hàng	31/07/2025	31/07/2032	900	7 Năm	6.90%	Không	Thả nổi
2	BID12536	BIDV	Ngân hàng	30/07/2025	30/07/2032	100	7 Năm	5.68%	Không	Thả nổi
3	BID12537	BIDV	Ngân hàng	30/07/2025	30/07/2040	150	15 Năm	6.30%	Không	Cố định
4	VPB12511	VPBank	Ngân hàng	30/07/2025	30/07/2028	1,600	3 Năm	5.30%	Không	Cố định
5	MSB12508	MSB Bank	Ngân hàng	30/07/2025	30/07/2028	1,000	3 Năm	5.20%	Không	Cố định
6	AGRIBANK253501	Agribank	Ngân hàng	29/07/2025	29/07/2035	10,000	10 Năm	6.48%	Không	Thả nổi
7	ACB12515	ACB	Ngân hàng	29/07/2025	29/07/2030	500	5 Năm	5.90%	Không	Cố định
8	VPB12510	VPBank	Ngân hàng	29/07/2025	29/07/2028	2,000	3 Năm	5.30%	Không	Cố định
9	SHBC7Y202402	SHB	Ngân hàng	28/07/2025	28/07/2032	2,649	7 Năm	7.68%	Không	Thả nổi
10	DBG12501	Dnp - Bac Giang Water	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	24/07/2025	24/07/2035	60	10 Năm	8.50%	Có	Kết hợp
11	OCB12514	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	24/07/2025	24/07/2028	1,000	3 Năm	5.35%	Không	Cố định
12	TVR32502	Thanh Vinh Realty.,jsc	Bất động sản	23/07/2025	23/07/2032	600	7 Năm		Không	Cố định
13	MBB12518	MBBank	Ngân hàng	23/07/2025	23/07/2035	100	10 Năm	6.48%	Không	Cố định
14	OCB12513	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	23/07/2025	23/07/2028	3,000	3 Năm	5.40%	Không	Cố định
15	VDS12503	Chứng khoán Rồng Việt	Dịch vụ tài chính	22/07/2025	22/07/2026	800	1 Năm	8.00%	Không	Cố định
16	ETC12501	Vetc.,Jsc	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22/07/2025	22/07/2030	500	5 Năm		Không	Cố định
17	SHL12502	Mặt Trời Hạ Long	Du lịch và Giải trí	21/07/2025	21/07/2028	300	3 Năm	9.10%	Có	Kết hợp
18	SHL12503	Mặt Trời Hạ Long	Du lịch và Giải trí	21/07/2025	21/07/2029	384	4 Năm	9.10%	Có	Kết hợp
19	SHL12501	Mặt Trời Hạ Long	Du lịch và Giải trí	21/07/2025	21/07/2027	200	2 Năm	9.10%	Có	Kết hợp
20	MBB12517	MBBank	Ngân hàng	21/07/2025	21/07/2033	1,000	8 Năm	6.38%	Không	Thả nổi
21	MBB12516	MBBank	Ngân hàng	18/07/2025	18/07/2033	250	8 Năm	6.38%	Không	Thả nổi

Thị trường Sơ cấp: Thông tin Trái phiếu đã phát hành trong tháng 7/2025

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Kỳ hạn trái phiếu	Lãi suất Coupon	Có TSĐB	Kiểu lãi suất coupon
22	MBB12515	MBBank	Ngân hàng	18/07/2025	15/08/2033	250	8 Năm		Không	Thả nổi
23	TVR32501	Thanh Vinh Realty.jsc	Bất động sản	17/07/2025	17/07/2032	500	7 Năm		Không	Cố định
24	MBB12514	MBBank	Ngân hàng	16/07/2025	16/07/2035	1,000	10 Năm	6.48%	Không	Kết hợp
25	EVF12501	Tài chính Điện lực	Dịch vụ tài chính	15/07/2025	15/07/2028	215	3 Năm	6.98%	Không	Kết hợp
26	OCB12512	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	15/07/2025	15/07/2028	1,300	3 Năm	5.35%	Không	Cố định
27	BID12535	BIDV	Ngân hàng	15/07/2025	15/07/2032	200	7 Năm	5.68%	Không	Thả nổi
28	VBA12503	Agribank	Ngân hàng	14/07/2025	14/07/2027	7,520	2 Năm	5.20%	Không	Cố định
29	NWT12501	New Tech Investment Construction Corp	Bất động sản	14/07/2025	14/07/2028	885	3 Năm		Không	Kết hợp
30	NAB12503	Ngân hàng Nam Á	Ngân hàng	14/07/2025	14/07/2032	200	7 Năm		Không	Cố định
31	SHB12502	SHB	Ngân hàng	14/07/2025	14/07/2032	1,500	7 Năm	7.68%	Không	Kết hợp
32	MSB12507	MSB Bank	Ngân hàng	11/07/2025	11/07/2030	680	5 Năm	6.20%	Không	Cố định
33	CII12502	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Xây dựng và Vật liệu	10/07/2025	10/07/2030	300	5 Năm	10.25%	Có	Kết hợp
34	F8812504	Kinh doanh F88	Dịch vụ tài chính	10/07/2025	10/07/2026	100	1 Năm	10.00%	Không	Cố định
35	BID12534	BIDV	Ngân hàng	09/07/2025	09/07/2032	400	7 Năm	5.7%	Không	Thả nổi
36	TCH42501	TCO Holdings	Thực phẩm và đồ uống	07/07/2025	07/07/2026	260	1 Năm		Không	Cố định
37	MBB12513	MBBank	Ngân hàng	07/07/2025	07/07/2033	50	8 Năm	6.4%	Không	Thả nổi
38	TCO42501	TCO Holdings	Thực phẩm và đồ uống	07/07/2025	07/07/2026	260	1 Năm		Không	Cố định
39	ACB12514	ACB	Ngân hàng	03/07/2025	03/07/2028	500	3 Năm	5.6%	Không	Cố định
40	BID12532	BIDV	Ngân hàng	03/07/2025	03/07/2032	100	7 Năm	5.7%	Không	Thả nổi
41	BID12533	BIDV	Ngân hàng	03/07/2025	03/07/2033	1,200	8 Năm	5.8%	Không	Thả nổi
42	VJC12502	Vietjet Air	Du lịch và Giải trí	02/07/2025	02/07/2030	1,000	5 Năm	10.5%	Không	Kết hợp

Thị trường Sơ cấp: Kế hoạch phát hành trong tháng tới

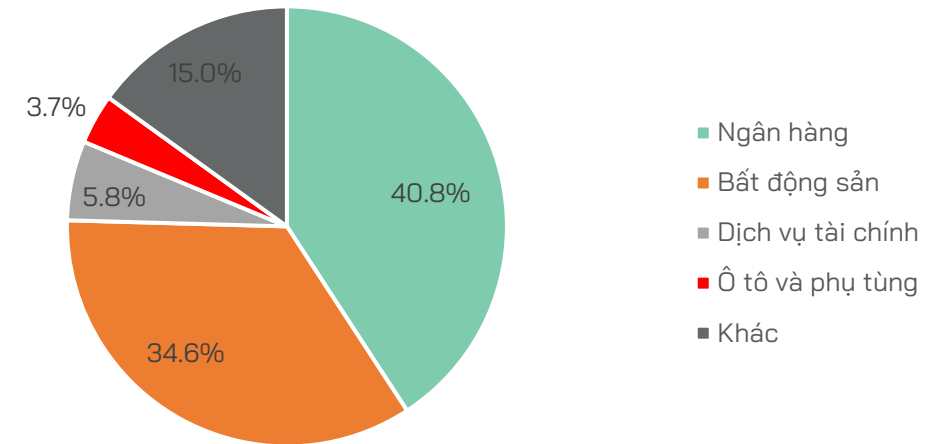
Thời gian	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Kỳ hạn (Năm)	Coupon (%)
30/09/2025	BVB_TPCC_2024_2025_4	Ngân hàng Bản Việt - BVBank	1,500	8.0	
30/09/2025	HDBC7Y253202	HDBank	2,500	7.0	
30/09/2025	HDBC8Y253302	HDBank	2,500	8.0	
30/09/2025	TCXCPO2527004	Chứng khoán TCBS	1,000	2.0	
30/09/2025	TCXCPO2527002	Chứng khoán TCBS	1,000	2.0	
30/09/2025	HDB_TPQT_2025	HDBank		3.0	
30/09/2025	TCOH2526001	TCO Holdings	260	1.0	
30/09/2025	VAB_TPCC_2025_2	Ngân hàng Việt Á	300	7.0	

Nguồn: FiinX, HDS Research

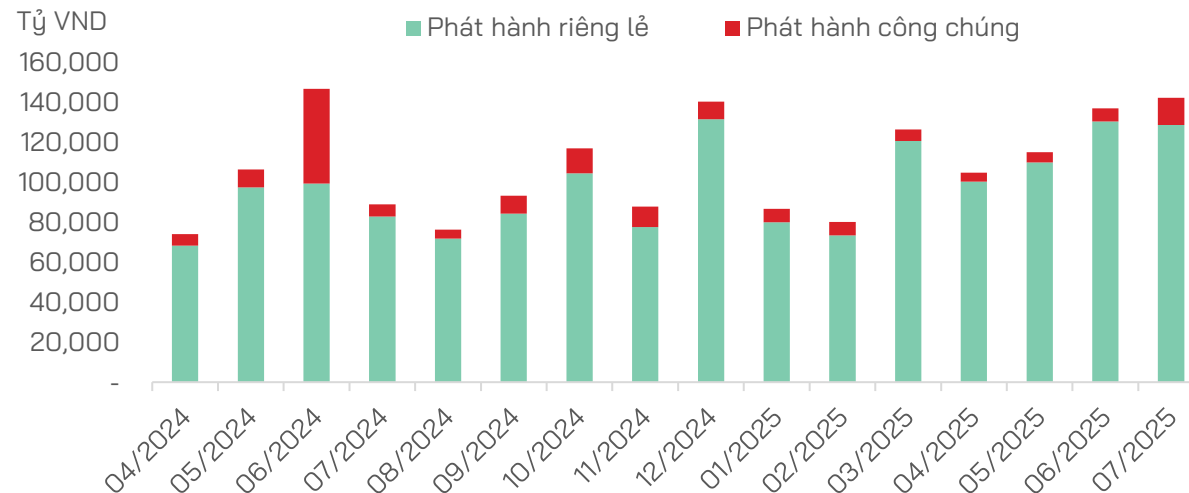
Thị trường Thứ cấp: Thanh khoản duy trì ổn định với nhóm ngân hàng vẫn dẫn đầu

- Giá trị giao dịch bình quân phiên trên thị trường thứ cấp trong tháng 07/2025 đạt 6,194 tỷ đồng, giảm nhẹ -5.1% so với tháng trước, nhưng vẫn cao hơn trung bình 3 tháng trước 6%.
- Tổng giá trị giao dịch trong tháng đạt 142,463 tỷ đồng, tăng nhẹ 3.9% so với tháng trước. Trong đó, nhóm phát hành riêng lẻ đạt 128,808 tỷ đồng (-1.4% MoM) và nhóm phát hành công chúng (13,655 tỷ đồng (+109.3% MoM)).
- Nhóm Ngân hàng và Bất động sản vẫn chiếm phần lớn khối lượng giao dịch, tỷ trọng lần lượt ở mức 40.8% và 34.6%.

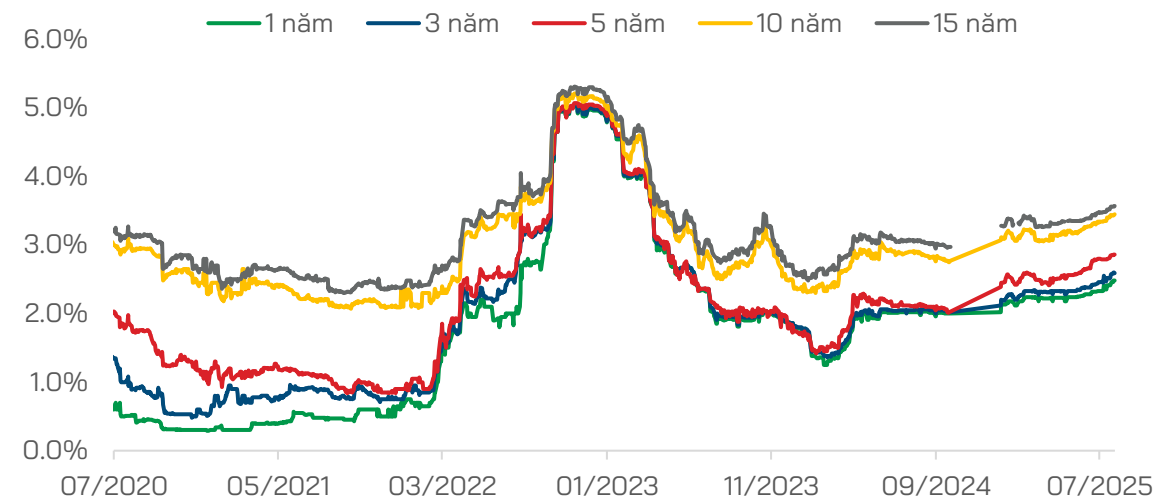
Giá trị phát hành theo ngành



Phát hành trái phiếu



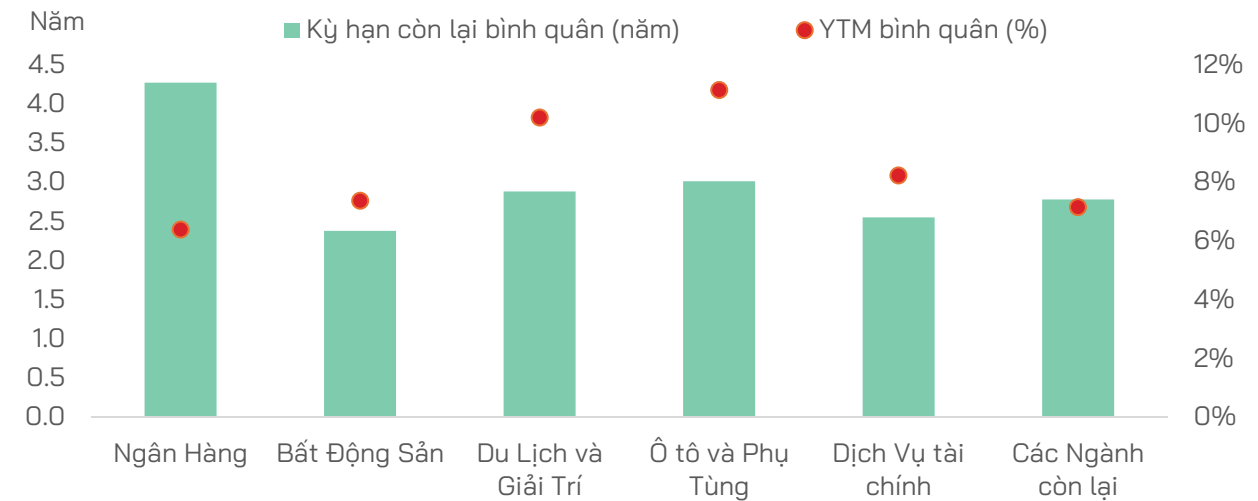
Đường cong lợi suất Trái phiếu Chính phủ



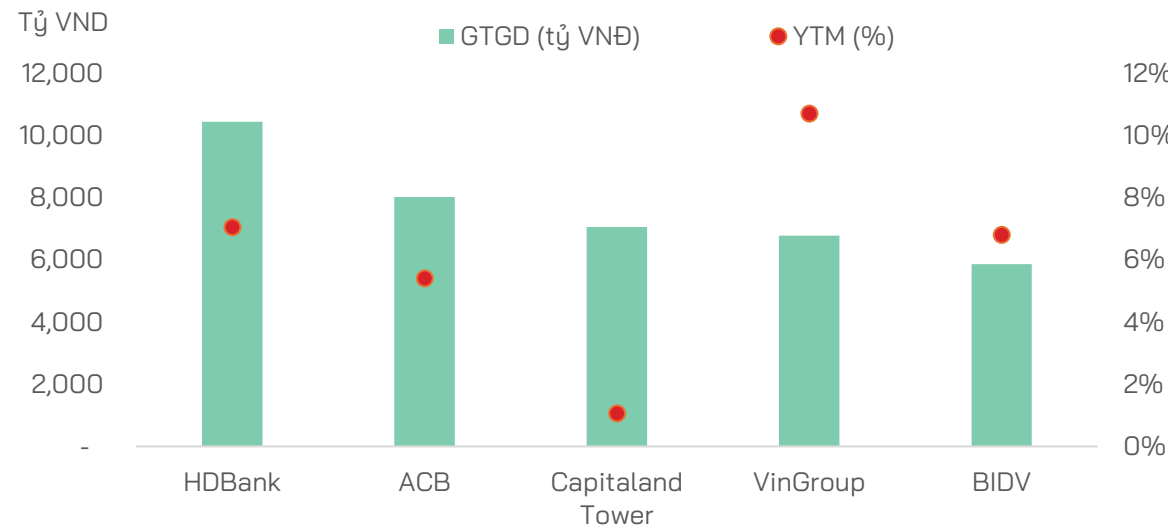
Thị trường Thứ cấp: Thanh khoản tập trung ở Ngân hàng, lợi suất cao nhất thuộc BĐS

- **Top 5 trái phiếu có thanh khoản cao nhất chủ yếu là các Tổ chức phát hành thuộc nhóm Ngân hàng:** HDBank (10,446 tỷ đồng), ACB (8,027 tỷ đồng), BIDV (5,864 tỷ đồng), VPBank (5,042 tỷ đồng) và Bất động sản có Capitaland Tower (7,061 tỷ đồng) và VinGroup (6,782 tỷ đồng).
- **Công ty Phát Triển Tổng Hợp Hưng Thịnh Phát dẫn đầu về lợi suất đáo hạn (YTM) với mã phiếu HTA12301 (13.88% YTM) giá trị giao dịch 2,463 tỷ đồng.** Theo sau là nhóm VIN, với mã VIC12504 (12.03% YTM) và VIF12501 (10.76% YTM) với tổng giá trị đạt 6,437 tỷ đồng giao dịch trong tháng.

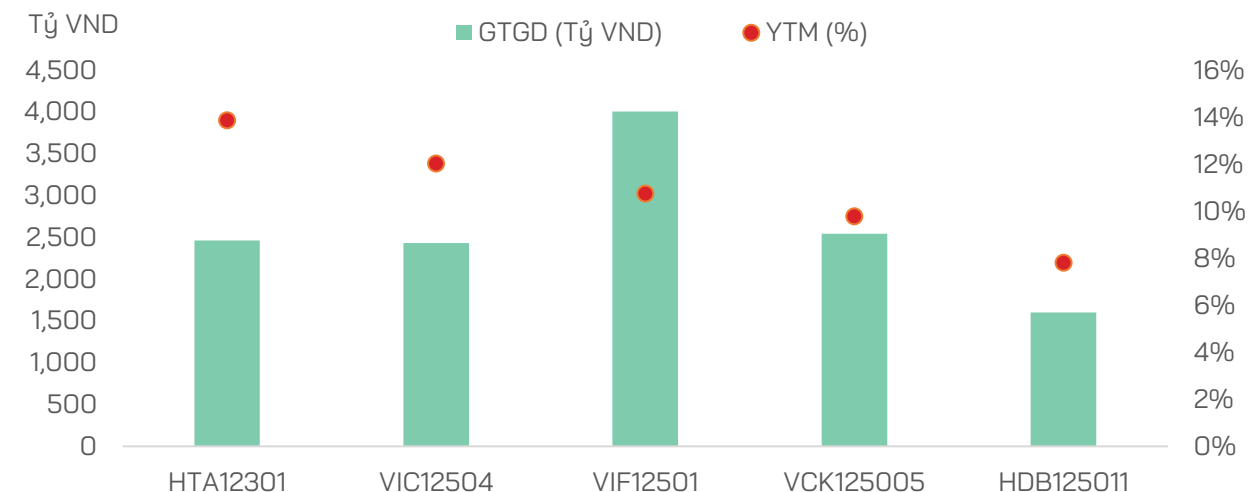
Tương quan lãi suất thị trường thứ cấp và kỳ hạn còn lại



Top 5 TCPH có trái phiếu giao dịch nhiều nhất trên thứ cấp



Top 5 mã trái phiếu giao dịch nhiều nhất trên thứ cấp



Thị trường Thứ cấp: Thống kê giao dịch trong tháng theo ngành

Ngành	Tổng GTGD (Tỷ VND)	Phát hành công chứng (Tỷ VND)	Phát hành riêng lẻ (Tỷ VND)	KHCL bình quân (Năm)	YTM bình quân
Ngân hàng	58,130	8,128	50,002	4.3	6.39%
Kỳ hạn <1 năm	1,270	-	1,270	0.1	4.90%
Kỳ hạn 1-3 năm	23,005	-	23,005	1.9	5.45%
Kỳ hạn 3-5 năm	597	9	589	3.2	6.34%
Kỳ hạn 5-7 năm	18,845	6,534	12,310	5.9	7.49%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	14,413	1,585	12,828	7.4	7.20%
Bất động sản	49,349	1,662	47,687	2.8	7.37%
Kỳ hạn <1 năm	5,770	476	5,294	0.4	6.69%
Kỳ hạn 1-3 năm	15,636	1,186	14,450	2.0	11.39%
Kỳ hạn 3-5 năm	23,048	-	23,048	3.4	3.64%
Kỳ hạn 5-7 năm	4,895	-	4,895	5.0	0.00%
Dịch vụ tài chính	8,331	2,583	5,748	2.5	8.23%
Kỳ hạn <1 năm	1,930	5	1,925	0.8	7.21%
Kỳ hạn 1-3 năm	4,116	2,578	1,538	2.5	7.76%
Kỳ hạn 3-5 năm	2,018	-	2,018	3.6	9.51%
Kỳ hạn 5-7 năm	267	-	267	6.3	7.87%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,590	-	1,590	3.4	3.77%
Kỳ hạn <1 năm	80	-	80	0.3	4.46%
Kỳ hạn 1-3 năm	1	-	1	1.6	31.40%
Kỳ hạn 3-5 năm	1,343	-	1,343	3.4	2.73%
Kỳ hạn 5-7 năm	167	-	167	5.0	11.65%

Ngành	Tổng GTGD (Tỷ VND)	Phát hành công chứng (Tỷ VND)	Phát hành riêng lẻ (Tỷ VND)	KHCL bình quân (Năm)	YTM bình quân
Tài nguyên Cơ bản	567	196	371	2.5	10.12%
Kỳ hạn 1-3 năm	216	-	216	1.9	10.02%
Kỳ hạn 3-5 năm	351	196	155	3.3	10.71%
Xây dựng và Vật liệu	1,751	62	1,689	2.3	8.15%
Kỳ hạn <1 năm	225	-	225	0.1	-4.52%
Kỳ hạn 1-3 năm	1,050	39	1,012	1.9	9.99%
Kỳ hạn 3-5 năm	452	-	452	4.4	10.38%
Kỳ hạn ≥ 7 năm	23	23	-	8.5	3.05%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,093	22	2,071	3.4	8.07%
Kỳ hạn <1 năm	314	-	314	0.8	7.96%
Kỳ hạn 1-3 năm	220	22	199	1.8	9.02%
Kỳ hạn 3-5 năm	1,559	-	1,559	4.1	7.98%
Ô tô và phụ tùng	5,220	-	5,220	3.0	11.14%
Kỳ hạn <1 năm	10	-	10	0.2	6.82%
Kỳ hạn 1-3 năm	4,505	-	4,505	2.8	10.99%
Kỳ hạn 3-5 năm	705	-	705	4.3	12.17%
Thực phẩm và đồ uống	2,084	762	1,322	1.7	8.20%
Kỳ hạn <1 năm	150	80	71	0.4	8.04%
Kỳ hạn 1-3 năm	1,934	682	1,251	1.8	8.21%
Hàng cá nhân & Gia dụng	145	145	-	1.6	8.90%
Kỳ hạn <1 năm	1	1	-	0.8	9.22%
Kỳ hạn 3-5 năm	144	144	-	3.3	8.19%
Du lịch và Giải trí	13,107	-	13,107	3.1	10.20%
Kỳ hạn <1 năm	2,136	-	2,136	-0.1	0.00%
Kỳ hạn 1-3 năm	3,466	-	3,466	2.2	9.79%
Kỳ hạn 3-5 năm	5,539	-	5,539	4.1	10.80%
Kỳ hạn 5-7 năm	1,967	-	1,967	4.9	0.00%

Thị trường Thứ cấp: Top Thanh khoản trong tháng theo Tổ chức phát hành

STT	Tổ chức phát hành	Mã	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	Kỳ hạn còn lại (Năm)	YTM	YTM (%)	Giá sạch bình quân (VNĐ)	Thay đổi giá sạch (%)	Giá bản bình quân (VND)	Thay đổi giá sạch (%)
1	HDBank	HDB	10,446	75.9	7.06%	0.02%	118,448,286	99756.64%	123,251,783	98153.77%
2	ACB	ACB	8,027	15.4	5.42%	-1.06%	857,199,320	1.37%	878,662,478	-1.48%
3	Capitaland Tower	313736091	7,061	35.7	1.06%	-0.25%	99,809,186	0.75%	99,891,034	0.55%
4	VinGroup	VIC	6,782	15.9	10.71%	4.71%	101,017,202	104850.75%	103,034,505	102676.62%
5	BIDV	BID	5,864	81.7	6.81%	2.56%	983,245,529	842.20%	1,001,876,964	898.96%
6	VPBank	VPB	5,042	34	5.40%	-0.01%	999,910,170	0.02%	1,008,354,472	-0.31%
7	PT Bất động sản TMT	316932418	4,895	59.2	0.00%	0.00%	122,483,471	-19.50%	123,050,361	-19.43%
8	SX và Kinh doanh Vinfast	107894416	4,832	34.7	10.93%	3.64%	104,507,510	4.84%	105,586,835	6.85%
9	TMại và Đầu tư Việt Đức	108596412	4,480	41	0.00%	0.00%	158,446,570	5.06%	162,452,299	0.46%
10	Vietjet Air	VJC	4,342	49.1	2.49%	-9.49%	102,875,309	-0.96%	104,863,956	1.51%
11	Ngân hàng Phương Đông	OCB	4,342	15.2	4.81%	-1.09%	1,008,784,073	1.57%	1,059,036,493	1.05%
12	Vinam Land	108294806	4,127	46.8	0.00%	0.00%	136,879,615	0.03%	137,561,813	0.06%
13	ĐT và PT Du lịch Phú Quốc	1701971178	4,076	40.1	4.50%	-10.16%	53,111,527	0.87%	53,471,507	-1.53%
14	Phát Triển Tổng Hợp Hưng Thịnh Phát	316975027	2,663	31	13.79%	-0.70%	98,579,835	3.53%	99,393,164	4.13%
15	Sacombank	STB	2,509	13.6	6.01%	-0.70%	999,573,980	0.82%	1,045,423,232	0.81%
16	MBBank	MBB	2,267	72.2	7.24%	2.77%	396,907,687	9824.05%	404,241,835	9554.85%
17	Vinhomes	VHM	2,168	24.1	9.74%	-0.50%	103,590,347	0.40%	104,339,605	-1.04%
18	DV Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	4101527110	2,136	0	0.00%	0.00%	101,661	-1.56%	101,661	-1.56%
19	VIBBank	VIB	2,083	69.8	7.76%	0.03%	1,002,876,854	-0.12%	1,047,069,193	0.46%
20	HDBank AMC	3.602E+09	1,609	41.9	10.43%	0.08%	105,151,245	-1.85%	107,527,306	-4.92%

Thị trường Thứ cấp: Top các mã trái phiếu có giá trị giao dịch lớn nhất trong tháng

STT	Mã Trái phiếu	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	Kỳ hạn còn lại	YTM	YTM (%)	Giá sạch (VND)	Giá bẩn (VND)	Giá bẩn BQ (VND)	Giá sạch BQ (VND)
1	TMR12301	4,895	59.2			107,846,572	108,401,093	123,050,361	122,483,471
2	VPB12502	4,539	33.3	5.40%	-0.01%	999,929,102	1,011,468,828	1,008,763,917	999,892,695
3	VDI12101	4,480	41.0			162,877,646	162,877,646	162,452,299	158,446,570
4	VIL12301	4,127	46.8			136,898,138	137,603,070	137,561,813	136,879,615
5	VIF12501	4,004	33.8	0.1076	-0.0041	105,561,839	107,719,373	105,916,575	104,672,919
6	CPL12303	3,695	35.7	1.06%	-0.14%	100,000,000	100,016,438	99,911,159	99,808,026
7	BID12427	3,000	84.3	0.0649	0	999,777,808	1,000,100,000	1,000,100,000	999,777,808
8	VCK125005	2,543	18.7	9.79%	0.54%	96,566	100,000	100,000	96,885
9	HTA12301	2,463	28.8	0.1388	-0.007	99,917,808	101,035,616	99,326,927	98,464,267
10	VIC12504	2,433	20.8	12.03%	0.33%	103,746,073	106,485,799	103,646,072	101,166,184
11	VJC12406	2,187	52.5			101,165,507	102,672,356	104,625,708	102,877,858
12	DPQ12501	2,156	59.1			101,122,721	101,999,707	100,986,299	100,306,761
13	OCB12414	2,119	11.9	0.0475	0	1,008,763,429	1,059,546,991	1,059,546,991	1,008,763,429
14	STB12403	2,093	13.8	5.89%	-0.01%	1,000,968,724	1,047,489,272	1,046,689,533	1,000,908,287
15	HDB12426	1,974	88.5	0.0749	-0.0005	100,000,000	105,037,945	104,786,365	99,873,320
16	VIB12410	1,821	77.0	7.66%	0.03%	999,156,459	1,045,030,432	1,046,587,255	1,003,291,744
17	CPL12301	1,800	35.7	0.0101	0	100,000,000	100,013,699	100,002,283	100,000,000
18	ACB12502	1,627	19.9	5.57%	-0.01%	1,000,267,403	1,017,144,115	1,017,012,606	1,000,212,596
19	HDB125011	1,600	80.3	0.0781	0.0009	97,434	100,000	100,000	97,740
20	BID12431	1,578	73.1	6.49%	0.00%	1,000,150,278	1,052,204,388	1,052,020,040	1,000,045,026

Lịch Thanh toán gốc đáo hạn Trái phiếu doanh nghiệp tháng 08 - 09/2025

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Có TSDB	Kiểu lãi suất coupon	Tình trạng trái phiếu
1	SVGL2023091	Tập đoàn Sovico	Dịch vụ tài chính	400	21/08/2020	21/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
2	VIB12402	VIBBank	Ngân hàng	1,000	22/08/2024	22/08/2025	3 Năm	Không	Cố định	Bình thường
3	KDH12202	Nhà Khang Điền	Bất động sản	800	23/08/2022	23/08/2025	3 Năm	Không	Cố định	Bình thường
4	BAF122029	Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	300	23/08/2022	23/08/2025	3 Năm	Không	Cố định	Bình thường
5	TAL12302	Đầu Tư Bất Động Sản Taseco	Bất động sản	150	24/08/2023	24/08/2025	2 Năm	Có	Cố định	Bình thường
6	SVGL2023092	Tập đoàn Sovico	Dịch vụ tài chính	450	24/08/2020	24/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
7	HPX12102	Đầu tư Hải Phát	Bất động sản	500	02/08/2021	25/08/2025	4 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
8	SVGL2023093	Tập đoàn Sovico	Dịch vụ tài chính	350	25/08/2020	25/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
9	ACB12304	ACB	Ngân hàng	1,500	25/08/2023	25/08/2025	2 Năm	Không	Cố định	Bình thường
10	CITYLABBOND/25082020	CityLab	Dịch vụ tài chính	46	25/08/2020	25/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
11	SVGL2023094	Tập đoàn Sovico	Dịch vụ tài chính	500	26/08/2020	26/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
12	VRE12007	Vincom Retail	Bất động sản	2,000	26/08/2020	26/08/2025	5 Năm	Không	Kết hợp	Bình thường
13	PQCH2025005	Mặt trời Phú Quốc	Du lịch và Giải trí	620	26/08/2020	26/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
14	SVGL2023095	Tập đoàn Sovico	Dịch vụ tài chính	450	27/08/2020	27/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
15	SVGL2023096	Tập đoàn Sovico	Dịch vụ tài chính	350	28/08/2020	28/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
16	OCB12303	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	1,000	28/08/2023	28/08/2025	2 Năm	Không	Cố định	Bình thường
17	TNLCB2025001	Trung Nam Land	Bất động sản	2,500	28/08/2020	28/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
18	XTNT.2020.5Y	Xuân Thiện Ninh Thuận	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	200	28/08/2020	28/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
19	NVJCH2023003	Đầu tư Địa Ốc No Va	Bất động sản	245	28/08/2020	28/08/2025	5 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
20	VIC123028	VinGroup	Bất động sản	692	31/08/2023	31/08/2025	2 Năm	Không	Kết hợp	Bình thường
21	THP.H2025.08	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
22	QTH.H2025.15	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
23	QTH.H2025.27	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
24	QTH.H2025.04	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
25	QTH.H2025.09	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
26	SET.H2025.04	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
27	SET.H2025.07	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
28	SET.H2025.09	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
29	BCM.H2025002	Becamex IDC	Bất động sản	2,000	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
30	THP.H2025.23	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
31	QTH.H2025.12	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
32	QTH.H2025.39	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
33	SET.H2025.12	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
34	QTH.H2025.14	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
35	QTH.H2025.52	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
36	THP.H2025.26	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
37	SET.H2025.10	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường

Lịch Thanh toán gốc đáo hạn Trái phiếu doanh nghiệp tháng 08 - 09/2025

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Có TSDB	Kiểu lãi suất coupon	Tình trạng trái phiếu
38	SET.H2025.16	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
39	QTH.H2025.18	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
40	QTH.H2025.03	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
41	QTH.H2025.08	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
42	QTH.H2025.49	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
43	QTH.H2025.20	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
44	QTH.H2025.31	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
45	QTH.H2025.06	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
46	QTH.H2025.60	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
47	QTH.H2025.54	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
48	SET.H2025.17	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
49	THP.H2025.18	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
50	THP.H2025.22	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
51	THP.H2025.27	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
52	QTH.H2025.11	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
53	QTH.H2025.46	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
54	THP.H2025.29	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
55	THP.H2025.20	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
56	THP.H2025.07	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
57	QTH.H2025.29	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
58	QTH.H2025.34	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
59	QTH.H2025.43	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
60	QTH.H2025.45	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
61	SET.H2025.15	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
62	THP.H2025.14	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
63	QTH.H2025.30	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
64	SET.H2025.19	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
65	SET.H2025.03	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
66	SET.H2025.06	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
67	QTH.H2025.56	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
68	SET.H2025.08	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
69	THP.H2025.15	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
70	QTH.H2025.13	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
71	QTH.H2025.05	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
72	THP.H2025.10	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
73	QTH.H2025.19	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
74	QTH.H2025.24	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường

Lịch Thanh toán gốc đáo hạn Trái phiếu doanh nghiệp tháng 08 - 09/2025

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Có TSDB	Kiểu lãi suất coupon	Tình trạng trái phiếu
75	QTH.H2025.36	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
76	QTH.H2025.37	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
77	QTH.H2025.48	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
78	SET.H2025.05	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
79	QTH.H2025.26	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
80	QTH.H2025.57	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
81	QTH.H2025.35	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
82	QTH.H2025.58	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
83	QTH.H2025.01	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
84	QTH.H2025.22	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
85	QTH.H2025.32	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
86	QTH.H2025.38	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
87	SET.H2025.18	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
88	SET.H2025.02	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
89	SET.H2025.20	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
90	QTH.H2025.07	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
91	QTH.H2025.21	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
92	THP.H2025.11	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
93	THP.H2025.21	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
94	THP.H2025.03	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
95	THP.H2025.25	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
96	THP.H2025.24	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
97	THP.H2025.30	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
98	THP.H2025.28	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
99	THP.H2025.01	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
100	THP.H2025.13	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
101	THP.H2025.04	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
102	QTH.H2025.23	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
103	QTH.H2025.25	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
104	QTH.H2025.40	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
105	QTH.H2025.47	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
106	SET.H2025.01	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
107	SET.H2025.11	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
108	SET.H2025.14	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
109	SET.H2025.13	DV - TMại TP Hồ Chí Minh (Setra)	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
110	QTH.H2025.17	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
111	QTH.H2025.02	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	31/08/2020	31/08/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường

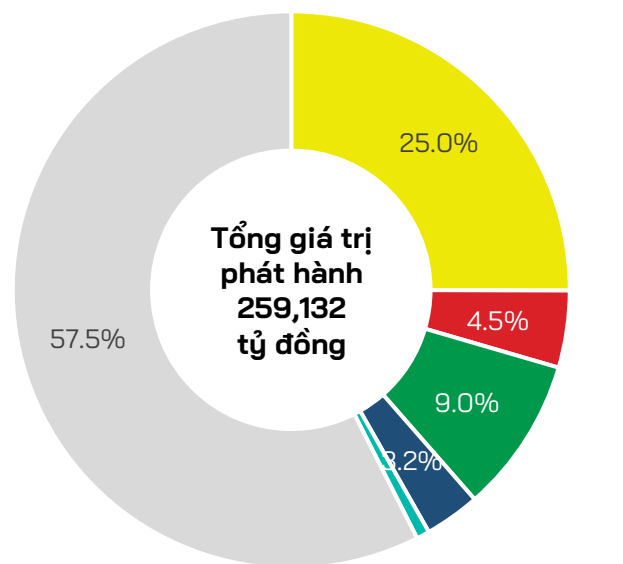
Lịch Thanh toán gốc đáo hạn Trái phiếu doanh nghiệp tháng 08 - 09/2025

STT	Mã Trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (Tỷ VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn trái phiếu	Có TSĐB	Kiểu lãi suất coupon	Tình trạng trái phiếu
112	QTH.H2025.33	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
113	QTH.H2025.41	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
114	QTH.H2025.44	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
115	SVGL2023097	Tập đoàn Sovico	Dịch vụ tài chính	500	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
116	QTH.H2025.10	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
117	QTH.H2025.28	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
118	QTH.H2025.53	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
119	QTH.H2025.59	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
120	QTH.H2025.16	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
121	QTH.H2025.50	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
122	QTH.H2025.55	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
123	THP.H2025.12	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
124	THP.H2025.16	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
125	THP.H2025.02	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
126	THP.H2025.06	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
127	THP.H2025.19	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
128	THP.H2025.09	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
129	THP.H2025.17	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
130	THP.H2025.05	Khách sạn Quốc tế Thiên Phúc	Du lịch và Giải trí	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
131	QTH.H2025.42	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
132	QTH.H2025.51	Đầu tư Quang Thuận	Bất động sản	100	8/31/2020	8/31/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
133	ANPHUOC.BOND.2020.02	May thread Giày An Phước	Hàng cá nhân & Gia dụng	100	9/8/2020	9/8/2025	5 Năm	Không	Cố định	Bình thường
134	SSHCH2123001	Bất động sản S-Homes	Bất động sản	2,400	9/10/2021	9/10/2025	4 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
135	HDR12401	ĐT & PT BĐS Hải Đăng	Bất động sản	1,300	3/12/2024	9/12/2025	18 Tháng	Không	Kết hợp	Bình thường
136	TLO12401	Đầu Tư Và Phát Triển Bất Động Sản Trường Lộc	Bất động sản	1,910	9/12/2024	9/12/2025	1 Năm	Có	Cố định	Bình thường
137	PDA12401	Đầu Tư Và Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt	Bất động sản	3,490	9/12/2024	9/12/2025	1 Năm	Có	Cố định	Bình thường
138	ACB12320	ACB	Ngân hàng	5,000	9/12/2023	9/12/2025	2 Năm	Không	Cố định	Bình thường
139	OCB12215	Ngân hàng Phương Đông	Ngân hàng	500	9/15/2022	9/15/2025	3 Năm	Không	Cố định	Bình thường
140	BMS12402	Chứng khoán Bảo Minh	Dịch vụ tài chính	150	9/16/2024	9/16/2025	1 Năm	Không	Cố định	Bình thường
141	TPA12101	Thành phố Aqua	Bất động sản	500	9/17/2021	9/17/2025	4 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
142	ACB12321	ACB	Ngân hàng	2,000	9/19/2023	9/19/2025	2 Năm	Không	Cố định	Bình thường
143	GME12105	Giải trí và Giáo dục Galaxy	Du lịch và Giải trí	25	9/20/2021	9/20/2025	4 Năm	Có	Cố định	Bình thường
144	SSA12103	Sunshine AM	Bất động sản	1,000	9/21/2021	9/21/2025	4 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
145	VIF12208	SX và Kinh doanh Vinfast	Ô tô và phụ tùng	300	9/26/2022	9/26/2025	3 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
146	VIF12209	SX và Kinh doanh Vinfast	Ô tô và phụ tùng	300	9/26/2022	9/26/2025	3 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
147	VIF12202	SX và Kinh doanh Vinfast	Ô tô và phụ tùng	10	9/26/2022	9/26/2025	3 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường
148	VIF12203	SX và Kinh doanh Vinfast	Ô tô và phụ tùng	10	9/26/2022	9/26/2025	3 Năm	Có	Kết hợp	Bình thường

Thị phần tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong 7 tháng đầu năm 2025

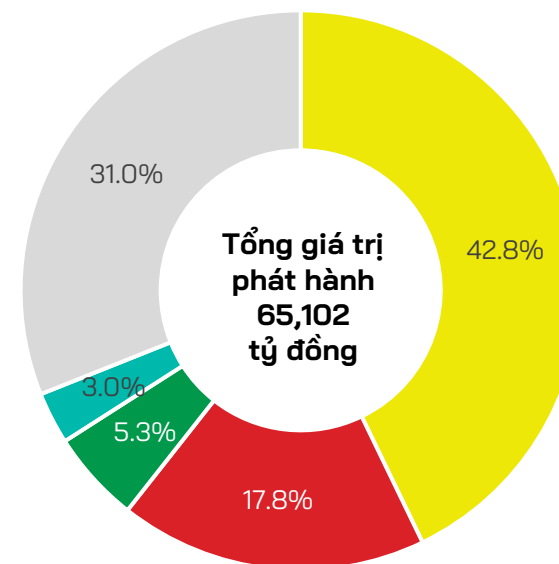
- **Tính từ đầu năm đến ngày 31/07/2025**, TCBS dẫn đầu thị phần tư vấn phát hành TPDN (không tính trái phiếu do nhóm ngân hàng phát hành) với 27,884 tỷ đồng tương đương 42.8% tổng quy mô phát hành, đứng thứ hai là HDS với 11,581 tỷ đồng tương đương 17.8% tổng quy mô phát hành.

Thị phần tư vấn phát hành



TCBS HDS BIDV VietinBank VDSC Khác

Thị phần tư vấn phát hành (trừ trái phiếu phát hành bởi ngân hàng)



TCBS HDS BIDV VDSC Khác

(*) HDS Research thu thập và tính toán từ dữ liệu của HNX và FiinPro

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

 www.hdbs.vn

TRỤ SỞ CHÍNH

 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

 +84 287 3076966

 +84 286 2838666

CHI NHÁNH HÀ NỘI

 Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

 +84 243 359 8866

 +84 243 351 8866

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

 hdbs.vn/tin-tuc-su-kien/trung-tam-phan-tich

 research@hdbs.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng dựa trên dữ liệu thu thập từ các nguồn được đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo tính chính xác và đầy đủ tuyệt đối của các thông tin này. Các nhận định trong báo cáo phản ánh quan điểm tại thời điểm phát hành, có thể thay đổi theo diễn biến thị trường mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ mang tính tham khảo và không phải là khuyến nghị đầu tư. HDS không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro hoặc tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng thông tin trong báo cáo.

Báo cáo này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.